TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-01-2018.
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1**. Ông **Trần Văn Xuân.**

2. Ông **Phạm Quang Nghĩa**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:

Bà **Phạm Thị Lý –** Kiểm sát viên sơ cấp.

Vào ngày 12 tháng 01 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **570/2017/TLST-HNGĐ** ngày 16 tháng 10 năm 2017, về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **131/**2017/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số **112**/2017/QĐ-HPTST ngày 27 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Chị **Bùi Thị H** - Sn: 1975. *(Có mặt)*

Đăng ký thường trú: Ấp G, xã XT, huyện XL, Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Bán vé số.

* **Bị đơn**: Anh **Ngô Văn N** - Sn: 1970. *(Vắng mặt)*

Đăng ký thường trú: Ấp G, xã XT, huyện XL, Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Bán vé số.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13-10-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Chị và anh Ngô Văn N cùng tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai, vào năm 2010. Cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh N hay ghen vô cớ, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh N

đuổi chị ra khỏi nhà, chị và anh N không sống chung với nhau từ năm 2015 đến nay. Chị nhận thấy không thể duy trì cuộc sống chung của vợ chồng nên chị yêu cầu được ly hôn anh N.

Vợ chồng có 02 người con tên Ngô Văn A, sinh năm 1996 và Ngô Thị B, sinh năm 1998, cả 02 người con đều đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, tự nuôi bản thân nên không yêu cầu người chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Anh Ngô Văn N (bị đơn): Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc nhưng anh N đều vắng mặt và không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa ý kiến: Về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, chị Bùi Thị H được ly hôn anh Ngô Văn N; các con đã trưởng thành nên không giải quyết người trực tiếp chăm sóc; tài sản và nợ: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Ngô Văn N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Giấy chứng nhận kết hôn số: 148, Quyển số: 01-2010, ngày 10-11-2010 của Ủy ban nhân dân xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai cấp cho anh N– chị H đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh Ngô Văn N và chị Bùi Thị H là hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do anh N hay ghen vô cớ, anh chị thường xuyên cãi nhau, anh N đã đánh đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà, anh N không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời trình bày, cho thấy anh không có thiện chí vợ chồng cùng giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ. Trong quá trình làm việc, Tòa án đã xác minh, thu thập chứng cứ, cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh N và chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện nay anh chị không còn sống chung với nhau. Chứng tỏ hôn nhân của anh N– chị H đã đến mức

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:*

Anh N và chị H có 02 người con chung tên Ngô Văn A, sinh năm 1996 và Ngô Thị B, sinh năm 1998, cả 02 người con đã trưởng thành, đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân, nên không giải quyết người trực tiếp chăm sóc.

[5] *Về tài sản*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] *Về nợ chung:* Chị H trình bày không có nên không xét.

[7] *Về án phí:*

Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Ngô Văn N.

2. Về nuôi con chung: 02 người con chung của anh chị tên Ngô Văn A, sinh năm 1996 và Ngô Thị B, sinh năm 1998, tất cả đã trưởng thành, đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân, nên không giải quyết người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc chị Bùi Thị H nộp **300.000** *(Ba trăm nghìn)* đồng, tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. **300.000** *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền tạm ứng án phí chị H nộp theo Biên lai thu tiền số: **000352** ngày **13-10-2017**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết toàn sao bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục T.H.A dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND xã XT;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Anh Dũng